



TIẾNG NÓI *CỦA*

Nữ doanh nhân

VIỆT NAM



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH LUẬT PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH

Trong những năm gần đây, đã có nhận thức rõ hơn rằng môi trường pháp lý là yếu tố then chốt đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và tăng trưởng việc làm của một quốc gia. Ở Việt Nam, Chính phủ đã thể hiện cam kết mạnh mẽ để chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hoá tập trung sang định hướng thị trường. Kể từ khi tiến hành cải cách kinh tế với tên gọi Đổi mới vào năm 1986, Việt Nam đã đạt được mức tăng trưởng ngoạn mục, mà động lực thúc đẩy chủ yếu là từ khu vực kinh tế tư nhân.⁵ Tại Đại hội Đảng Cộng sản lần thứ 10 tổ chức vào mùa xuân năm nay, lãnh đạo Đảng đã khẳng định cam kết tiếp tục đưa Việt Nam hội nhập hơn nữa vào nền kinh tế toàn cầu và tiến hành các cải cách liên quan, như cải cách hai luật là Luật Doanh Nghiệp và Luật Đầu tư, tạo một môi trường đầu tư thuận lợi cho doanh nghiệp. Chính phủ cũng tập trung một cách kiên quyết vào việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc vào hạn chót là năm 2015, trong đó có những mục tiêu quan trọng như giảm nghèo, bình đẳng giới và tạo quyền cho phụ nữ.

Tuy nhiên, bất chấp những tiến bộ và những tham vọng phát triển cho tương lai, Việt Nam vẫn còn một chặng đường xa phải đi để cải

thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp tư nhân nói chung và cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nói riêng. Theo báo cáo Môi trường Kinh doanh hàng năm của Ngân hàng Thế giới so sánh về môi trường kinh doanh giữa các nước, Việt Nam đứng thứ 99 trên tổng số 155 nước.⁶ Phần lớn các doanh nghiệp, dù là do nam hay nữ đứng đầu, đều phản ánh khó khăn trong việc hiểu và thực hiện các quy định pháp luật còn quá phức tạp, làm việc với các cán bộ chính quyền, và mạnh dạn đưa ra đề xuất về những thay đổi chính sách nên có. Nữ doanh nhân ở Việt Nam cũng cho rằng việc thiếu một cơ chế đối thoại chính sách để họ có thể nêu lên những mối quan tâm chính của họ, ví dụ như tiếp cận vốn và đất đai, đang gây ra thêm những trở ngại đối với thành công của họ.

CÁC VẤN ĐỀ PHÁP LÝ

Cũng giống như với đa phần các doanh nhân ở Việt Nam, các vấn đề pháp lý là một mối quan tâm đáng kể đối với các chủ doanh nghiệp là phụ nữ. Nhiều nữ doanh nhân đơn giản là không có thời gian để tìm hiểu tác động đầy đủ của các quy định pháp luật liên

quan tới doanh nghiệp của họ. Trong khi đó, các văn bản luật đang đặt ra nhiều yêu cầu khác nhau rất phức tạp, vô hình chung tạo ra gánh nặng hành chính lớn đối với nữ doanh nhân. Hơn nữa, việc thực thi luật pháp trên thực tế lại thiếu nhất quán giữa các cấp chính quyền (trung ương, tỉnh, hoặc địa phương) và các quy trình thủ tục thực tế lại khác so với quy định trên văn bản pháp luật càng làm các vấn đề pháp lý trở nên phức tạp hơn. Một nữ doanh nhân nhận xét:

“Doanh nghiệp thấy khó thực hiện chính sách và luật pháp vì thiếu rõ ràng và phụ thuộc quá nhiều vào quyết định chủ quan của cán bộ chính quyền.”

Những sự thiếu nhất quán như trên trong một môi trường pháp lý tương đối ổn định đã có thể gây nhầm lẫn cho doanh nghiệp. Còn ở môi trường của Việt Nam, với tốc độ cải cách đầy tham vọng như hiện nay, đây thực sự là những rắc rối đối với doanh nghiệp. Các doanh nhân thường thấy khó có được thông tin chính xác và kịp thời về những thay đổi trong chính sách và pháp luật mà có thể ảnh hưởng tới công việc kinh doanh của họ:

“Hiện nay luật pháp chính sách nước ta hay thay đổi nên việc theo dõi và cập nhật là không thể tránh được.”

Hơn thế nữa thực tiễn triển khai thường không giống với những “cam kết” trong kế hoạch chiến lược. Ví dụ, trong khi chính phủ luôn khẳng định một cách chính thức rằng sự tăng trưởng của khu vực tư nhân là quan trọng đối với đất nước, nhiều quy định và cách làm vẫn thường thiên vị các doanh nghiệp nhà nước.

“Mặc dù chính sách của Nhà nước đã mở đối với ngành in ấn bằng cách cho phép thành lập các công ty in tư nhân nhưng Nhà nước vẫn dành nhiều đặc quyền cho các doanh nghiệp nhà nước, chẳng hạn như quy định chỉ có doanh nghiệp in của Nhà nước mới được quyền in và xuất bản các tài liệu liên quan đến tôn giáo.”

Một số quy định pháp luật với ý định ban đầu là đem lại lợi ích cho doanh nghiệp, trên thực tế lại đang cản trở doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Ví dụ, Bộ luật Lao động của Việt Nam có một số điều khoản nhìn nhận hoàn cảnh đặc biệt của các bà mẹ đi làm. Những quy định này trên thực tế lại làm tăng thêm chi phí của doanh nghiệp khi sử dụng những lao động đó:

“Hầu như chưa có chính sách hỗ trợ nào đối với các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ. Theo chế độ của Nhà nước thì lao động nữ



được nghỉ 4 tháng sau khi sinh con và mỗi ngày 1 tiếng trong suốt năm đầu sinh con. Đối với doanh nghiệp mà lao động chủ yếu là nữ, điều này sẽ tạo ra sự dao động không tốt về lao động (thiếu lao động đó trong 4 tháng)."

Nhiều doanh nhân nữ sẵn sàng sử dụng lao động nữ, nhưng các chính sách ưu đãi hiện tại của Chính phủ trong lĩnh vực này, như ưu đãi thuế, lại đòi hỏi các doanh nghiệp nhỏ phải thực hiện những biện pháp vượt quá khả năng của họ:

"Cũng có quy định là nơi nào mà có sử dụng nhiều lao động nữ thì được giảm thuế nhưng với 10 điều kiện khác nhau chẳng hạn như quy định doanh nghiệp phải bố trí được nhà trẻ v.v..."

Vì vậy, xét về mặt chi phí thực tế để sử dụng lao động nữ thì doanh nghiệp thấy sử dụng nam giới có lợi hơn.

THUẾ

Chi phí hành chính và các hạn chế khác từ quy định luật pháp đối với hoạt động kinh doanh là những khó khăn phổ biến với các doanh nhân nói chung. Một số phụ nữ phàn nàn về các quy định về thuế, cách tính và thu thuế chưa hợp lý:

"Khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp năm nào cũng tăng. Cơ quan thuế không quan tâm đến việc doanh nghiệp có lãi thế nào cũng như những chi phí gì chúng tôi phải trang trải. Họ cũng không quan tâm đến việc doanh số có thể rất lớn nhưng lợi nhuận chẳng đáng là bao. Họ chỉ quan tâm đến con số thuế mà doanh nghiệp phải nộp" .

Nữ doanh nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu còn phải đương đầu với các loại phí khác ngoài thuế thu nhập ra:

"Khi nhập hàng về thì Nhà nước đã bắt đóng thuế nhập khẩu và thuế VAT ngay rồi sau khi bán hàng được thì mới khấu trừ thuế sau.



Điều này gây khó khăn rất nhiều cho các doanh nghiệp thiếu vốn vì lúc nhập hàng về cho dù chưa bán được hàng thì cũng đã phải trả trước một khoản thuế. Như vậy thì sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ".

Một quan ngại chung khác của doanh nghiệp là các cán bộ thuế thường áp dụng quy định thuế một cách không nhất quán, là môi trường làm nảy sinh các "khoản không chính thức". Hối lộ có thể nói là hiện tượng phổ biến ở Việt Nam tới mức các nữ doanh nhân xem đây là tiền bồi dưỡng để rút ngắn thời gian làm thủ tục giấy tờ chứ không coi đó là một hành vi hối lộ. Một phụ nữ đề cập tới vấn đề này như là chuyện thực tế hàng ngày:

"Doanh nghiệp tôi gặp khó khăn trong việc xin hoàn thuế cũng chính là liên quan đến việc mình cho tiền bồi dưỡng không đúng mức. Mình đưa một khoản nhỏ nhưng họ lại muốn khoản lớn hơn. Mình không chịu thì họ gây khó dễ".

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Ngoài vấn đề thuế, một vấn đề khác hạn chế sự tăng trưởng và đổi mới của nhiều doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, nhất là trong lĩnh vực thiết kế, thủ công hoặc những ngành mang tính sáng tạo khác, là sự thực thi chưa đầy đủ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam:

"Công ty tôi có đăng ký bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhưng cho dù có đăng ký thì khi các công ty khác vi phạm thì cũng chẳng làm gì được họ cả. Ví dụ vào khoảng năm 1995, tôi được giải 3 toàn quốc về sáng tạo mẫu đồ chơi bằng gỗ nhưng khi tham gia một triển lãm về ngành này, tôi thấy một công ty nhà nước cũng có mô hình đồ chơi đó với kích cỡ y hệt như của tôi. Nhưng lúc đó thì cũng không có làm gì được vì công ty của tôi chỉ là công ty tư nhân rất nhỏ, trong khi đó họ là một công ty của Nhà nước và cả hai công ty đang cùng làm trong ngành thiết bị giáo dục".

THỰC THI HỢP ĐỒNG

Thực thi hợp đồng ở Việt Nam còn tương đối yếu, nhất là khi luật và chính sách được áp dụng một cách không nhất quán giữa các cấp chính quyền và/hoặc vùng khác nhau. Khi nảy sinh tranh chấp, chủ doanh nghiệp là nữ thường thấy việc giải quyết tranh chấp qua toà án hoặc trọng tài quá tốn kém về thời gian và chi phí:

"Nếu mà đụng vào trọng tài kinh tế thì cũng giống như tòa án thôi. Án phí hay phí trọng tài đều cao. Ngoài ra thủ tục giải quyết ở các cơ quan này thường làm trì trệ công việc của mình. Doanh nghiệp đâu có thời gian mà theo kiện tụng...".

Vậy nên, nhiều doanh nghiệp nữ chấp nhận thiệt thòi và tiếp tục công việc làm ăn như bình thường.

KHUYẾN NGHỊ

Nữ doanh nhân đưa ra một số đề xuất cải thiện môi trường pháp lý kinh doanh. Quan trọng nhất là có một hệ thống quy định pháp luật và quy trình thủ tục thống nhất:

"Mình phải dựa vào luật pháp để kinh doanh. Vì vậy đòi hỏi hệ thống luật pháp phải rõ ràng, chặt chẽ và phải áp dụng được".

Ngoài ra, nữ doanh nhân còn đề xuất là những thông tin liên quan tới luật pháp, chính sách và thay đổi chính sách cần phải được cung cấp đầy đủ kịp thời, thông qua các kênh như các hiệp hội doanh nghiệp, báo chí, Internet và các phương tiện đại chúng khác. Chị Trần Thị Lan Hương nêu ý kiến:

"Tôi chỉ muốn có một môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh trong đó các doanh nghiệp cần được tiếp cận thông tin tốt hơn. Chúng tôi thường không có thông tin kịp thời và rõ ràng về các luật lệ và chính sách của Nhà nước. Hơn nữa các cơ quan chức năng cũng thường làm khó dễ cho doanh nghiệp khi chúng tôi muốn tìm hiểu thông tin pháp luật".

Các nữ chủ doanh nghiệp cho rằng nỗ lực của Chính phủ để khuyến khích sự phát triển của khu vực tư nhân là rất quan trọng. Kế hoạch Phát triển Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ giai đoạn 2006-2010 giao nhiệm vụ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, và Bộ Tài chính phải giảm chi phí, đơn giản hoá quy định và cải cách chính sách thuế đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Những biện pháp như vậy có thể khuyến khích chị em chính thức hóa công việc kinh doanh của mình và nhờ đó dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn hơn.

Cuối cùng, nữ doanh nhân ở Việt Nam muốn có một "ngôi nhà" để họ đề đạt những vấn đề khó khăn liên quan đến môi trường chính sách và quy định pháp luật với các cơ quan chính phủ. Chính phủ các nước khác đã thành lập các hội đồng tư vấn cấp cao, các tổ công tác và các cơ chế đối thoại công tư về các vấn đề doanh nghiệp nữ. Ở Việt Nam, chính phủ đã tham khảo ý kiến khu vực doanh nghiệp tư nhân khi xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và có bộ máy vì sự tiến bộ của phụ nữ được thiết lập khá tốt, việc xem xét và áp dụng những cách tiếp cận trên có thể sẽ có hiệu quả trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

CHÍNH SÁCH MƠ HỒ DOANH NHÂN VẮT VÀ



Chị Võ Thị Tư Hằng, 54 tuổi, là Giám đốc bệnh viện Bình Dân Đà Nẵng. Chị Hằng mở bệnh viện tư đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1996. Dù ban đầu còn chưa có khuôn khổ pháp lý rõ ràng đối với loại hình kinh doanh này, chị Hằng đã xây dựng được một doanh nghiệp rất thành công. Hiện giờ, bệnh viện của chị có doanh thu hàng năm khoảng 7 tỷ đồng (450,000 USD). Đầu năm nay, chị Hằng đã khai trương bệnh viện tư thứ hai, cũng tại Đà Nẵng, với doanh thu ước tính khoảng 30 tỷ đồng (khoảng 2 triệu USD) trong năm hoạt động đầu tiên.

Trong 20 năm làm việc ở Bệnh viện đa khoa Đà Nẵng, tôi đã chứng kiến cảnh bệnh viện luôn trong tình trạng quá tải, nhiều bệnh nhân phải đợi hàng tháng trời để được lên bàn mổ. Năm 1989, tôi nảy ra ý định mở một trung tâm y tế tư nhân để có thể phục vụ bệnh nhân nhanh hơn. Ban đầu, trung tâm của chúng tôi là quá nhỏ so với nhu cầu của bệnh nhân. Để tăng thêm năng lực, chúng tôi đã biến trung tâm y tế này thành một bệnh viện lớn để được phép thực hiện phẫu thuật.

Lúc bấy giờ, chính sách của chính phủ liên quan tới lĩnh vực y tế còn rất mơ hồ, chưa rõ ràng, nhất là các quy chế xác định tư nhân được phép làm gì. Cán bộ Bộ Y tế lo ngại bởi vì trước đó chưa có ai từng mở bệnh viện tư cả. Tôi phải mất một năm rưỡi mới xin được giấy phép của Bộ Y tế để mở bệnh viện.

Do khuôn khổ pháp lý chưa rõ ràng, mọi người ngại đầu tư vào lĩnh vực y tế. Ban

đầu, chỉ có vài người ủng hộ ý tưởng của tôi. Người ta nói bệnh viện tư sẽ không được coi trọng như bệnh viện công. Họ khuyên tôi chớ có rời bỏ vị trí quan trọng của tôi tại bệnh viện Nhà nước.

Trong những năm đầu, tôi vừa làm vừa thăm dò chính sách của Nhà nước. Chính phủ hầu như không tham khảo ý kiến doanh nghiệp khi định thay đổi chính sách và quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tôi đã nhiều lần ra Hà Nội để góp ý với các cơ quan của chính phủ về các chính sách đối với bệnh viện tư. Bây giờ tôi cảm thấy chính phủ đã tôn trọng khối doanh nghiệp tư nhân hơn so với trước đây; cũng cần mất thời gian và công sức để có những cải cách trong môi trường chính sách để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hơn. Ngày nay doanh nhân được mời dự họp chính thức để phản hồi về các chính sách liên quan đến họ.